

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 563 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 11 năm 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Diễm

Bà Lương Thị Phương

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 496/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211 /2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/11 /2021 giữa:

1, Nguyên đơn: Anh Trần Tiến D, sinh năm 1966.

2, Bị đơn: Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1971.

HKTT và nơi ở: Số 16 phố 356 (phố Thanh Bảo) phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Mạnh Tiến, sinh năm 1937.

HKTT và nơi ở: Số 16 phố 356 (phố Thanh Bảo) phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Anh D, chị H có mặt; Ông Tiến vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 /7 /2020; đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Tiến D trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 29/12/1992.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại số 16 phố 356 (nay là phố Thanh Bảo) phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là nh của riêng của anh.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do chị H ngoại tình. Sau đó, anh có làm đơn ly hôn chị H nhưng chị H không ký đơn nên anh không gửi ra Tòa án.

Ngay tại thời điểm anh bắt được thì anh vẫn thấy chị H gọi điện cho người tình. Tại thời điểm đó, anh có gọi cho con trai anh làm ở tHnh phố Hồ Chí Minh là: “Ba sẽ ly hôn mẹ, do mẹ không chung thủy”.

Lúc đó, con trai anh không đồng ý và mong muốn ba mẹ chung sống hạnh phúc. Do đó, anh đã cố gắng hòa hợp để tha thứ cho vợ nên sau đó vợ chồng anh có đi du lịch để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng sau một thời gian anh vẫn không thể bỏ qua và tha thứ cho chị H và không thể tiếp tục chung sống với chị H.

Nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng anh không hạnh phúc là do chị H ngoại tình.

Khoảng 02 năm gần đây, anh và chị H không ngủ với nhau và không ăn chung, sống cùng nH nhưng ly thân không ăn ngủ với nhau, không ai quan tâm đến nhau.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thanh Tùng, sinh ngày 29/10/1992 và Trần Việt Anh, sinh ngày 14/9/1996. Con chung đã trưởng tHnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nH ở chung:

Anh và chị H có những tài sản chung như sau:

1, NH đất tại địa chỉ số 16 phố 365 (phố Thanh Bảo), phường Kim Mã, quận Ba Đình, tHnh phố H Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nH ở và quyền sử dụng đất ở số 010111525001902 ; hồ sơ gốc số 2676/2007/QĐ-06 do UBND quận Ba Đình cấp ngày 27/11/2007 đứng tên hai vợ chồng là Trần Tiến D và Đào Thị Thu H.

Theo giấy chứng nhận thì diện tích đất 20m², nH xây gạch mái ngói diện tích 18m², nH 1 tầng, cấp 4.

Nguồn gốc do anh mua trước khi lấy vợ và năm 2002 vợ chồng anh xây dựng tHnh nH 03 tầng như hiện nay.

Hiện nay nH đất này do anh và chị H đang ở.

2, Thửa đất tại thôn Quang Minh, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK433174; Sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H0 174 VT/KX do Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương cấp ngày 09/12/2009 đứng tên anh là Trần Tiến D.

Ngoài hai khối tài sản nói trên anh và chị H không có tài sản nào khác.

Khi ly hôn, các tài sản chung của anh và chị H sẽ tự thỏa thuận chia mỗi người ½ và phần của anh sẽ cho các con Trần Thanh Tùng và Trần Việt Anh đồng sở hữu phần tài sản của anh.

Còn phần của chị H thì do chị H tự quyết định cho con hay không anh không can thiệp.

Anh và chị H tự giải quyết về tài sản và nH ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh có tài sản riêng là:

NH đất tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, quận Ba Đình, tHnh phố H Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD125920; Số vào sổ cấp GCN: CS-BD -001156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tHnh phố H Nội cấp ngày 31-05-2016 đứng tên anh là Trần Tiến D. Diện tích đất 28,38m². NH ở diện tích 25,18m².

NH đất này anh được bố anh là ông Trần Mạnh Tiến cho theo hợp đồng tặng cho ngày 05/5/2016. Đây là tài sản riêng của anh. Anh được bố cho riêng nên chị H không có quyền gì.

Đối với yêu cầu của chị H về việc xem xét 7,18m² đất tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, anh có ý kiến như sau:

Ngày 14/01/2016 bố anh là ông Trần Mạnh Tiến mua của bà Vũ Thị Hát 7,18m² đất tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình. Số tiền trả bà Hát là bằng nguồn tiền của ông Tiến. Ông Tiến và bà Hát ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2016, hợp đồng có công chứng chứng thực.

Đối với phần diện tích 7,18 m² tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, H Nội là ông Trần Mạnh Tiến mua năm 2014 của bà Vũ Thị Hát, do đã lâu nên anh không nhớ giá trị mua. Sau khi mua xong, ông Tiến đã làm thủ tục hợp thửa đất tại số 16 phố Thanh Bảo, được Sở tài nguyên môi trường H Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CB 820627 cấp ngày 14/3/2016 cho ông Trần Mạnh Tiến. Sau đó ngày 05/5/2016, ông Tiến đã làm thủ tục tặng cho NH đất trên cho anh tại văn phòng công chứng Ba Đình. Ngày 31/5/2016 Sở tài nguyên và môi trường H Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CB 125920 đứng tên anh. Nay trước yêu cầu chia tài sản là phần diện tích này của chị H, anh không đồng ý vì đây là tài sản bố anh cho riêng anh.

Anh và chị H không mua đất của bà Hát như chị H trình bày. Anh và chị H không đóng góp đồng nào. Ông Tiến giao tiền cho bà Hát như thế nào thì anh không biết và không nắm được việc mua bán đó. Chị H nói không có căn cứ.

Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng và tài sản chung vợ chồng.

Về công nợ: Anh và chị H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 21/12/2020 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đào Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Mã, quận Ba Đình, tHnh phố H Nội ngày 29/12/1992.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại số 16 phố 356, phường Kim Mã, quận Ba Đình, tHnh phố H Nội là NH của hai vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát mâu thuẫn nguyên nhân do chị có lỗi, mãi chơi. Sau đó chưa được một tháng thì chị và chồng chị lại hòa hợp và đi du lịch với nhau.

Năm 2018 gia đình bên ngoại chị có việc thì 07 chị em chị họp ở quán café nhưng chị gái lớn của chị không tham gia họp. Sau khi họp xong các anh chị em

có gọi chị gái lớn của chị đi ăn trưa, chị gái của chị ra và có gặp anh D. Lúc đó, anh D có hỏi là : “cô H đi lâu rồi, sao bây giờ bác mới ra?”.

Do anh D nghĩ sai về chị nên từ đó, anh D nghi ngờ chị là không chung thủy.

Anh D không tin tưởng chị nữa, mỗi ngày anh giao cho chị 150.000đồng/ngày để đi chợ. Sau đó, anh D không giao cho chị nội chợ nữa.

Tháng 9/2019, chị đi làm ở trường Tiểu học Việt Nam -Cu Ba, nhưng tháng 11/2019 anh D bảo chị ở nH nội chợ và đưa tiền cho chị, nhưng chị không nghỉ, tuy nhiên chị vẫn đi chợ cơm nước.

Vợ chồng chị luôn bất đồng quan điểm sống, anh D nóng tính hay nói to nhưng chị thì luôn sợ to tiếng nên chị nín nhịn để vợ chồng đỡ căng thẳng.

Anh D hay xúc phạm chị nhưng chưa bao giờ đánh đập chị.

Hiện nay vợ chồng chị vẫn chung sống trong một mái nH tại số 16 phố 356, phường Kim Mã, quận Ba Đình, tHnh phố H Nội, nhưng vợ chồng không ăn chung và ngủ chung từ tháng 02/2020 (rằm tháng riêng năm 2020), do anh D chủ động không muốn ăn chung, ngủ chung.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị thì hai bên gia đình đều biết, anh D nói với gia đình chị là không chung sống được với chị. Gia đình chị có gọi anh D sang hỏi chuyện nhưng anh D không sang.

Anh D xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Trần Thanh Tùng, sinh ngày 29/10/1992 và Trần Việt Anh, sinh ngày 14/9/1996. Con chung đã trưởng tHnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nH ở chung: Chị và anh D tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản là 7,18 m2 đất tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, H Nội là do chị cùng anh D mua năm 2014 của bà Vũ Thị Hát với giá 1.200.000.000 đồng. Khi mua hai bên không làm hợp đồng mua bán.

Chị và anh D là người giao tiền cho bà Hát và con gái bà Hát là chị Lại Thị Dung số tiền thực tế là 1.200.000.000 đồng và không viết giấy tờ biên nhận nhưng chị có nhớ chị Dung là con gái bà Hát có ghi tờ giấy xác nhận đã nhận 1.200.000.000 đồng của vợ chồng D, H. Sau khi mua xong thì anh chị để cho bố anh D là ông Trần Mạnh Tiến đứng tên hợp đồng mua bán và ngày 14/01/2016 bố anh D và bà Hát ký hợp đồng mua bán ghi giá mua là 150.000.000 đồng.

Chị và anh D không đứng tên hợp đồng mua bán nH đất của bà Hát vì bố chồng chị có nH đất sát với nH bà Hát nên muốn hợp thửa 7,18 m2 đất bà Hát thì phải hợp với thửa đất của bố chồng chị nên ông Tiến mới đứng tên trong Hợp đồng mua bán với bà Hát.

Sau khi mua xong, gia đình chị đã làm thủ tục hợp thửa đất tại số 16 phố Thanh Bảo, được Sở tài nguyên môi trường H Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CB 820627 cấp ngày 14/3/2016 cho ông Trần Mạnh Tiến. Sau đó cũng năm 2016, do bố chồng chị tuổi cao nên đã sang tên toàn bộ nH đất này cho vợ chồng chị. Ngày 31/5/2016 Sở tài nguyên và môi trường H Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CB 125920 đứng tên anh D. Sở dĩ đứng tên mình anh D vì khi làm

thủ tục sang tên nH đất trên, chị có nhờ dịch vụ ở bên ngoài và tư vấn tại Văn phòng đăng ký đất đai tại số 10 Đặng Dung thì người ta cho biết nếu sang tên mình chồng chị thì đỡ mất phí cao nên chị đồng ý để đứng tên anh D. Nay đối với phần diện tích đất này chị đề nghị anh D thanh toán cho chị số tiền là 600.000.000 đồng và anh D có toàn quyền sử dụng nH đất trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/10/2021 chị H trình bày:

Chị nhận được thông báo lần thứ hai của Tòa án yêu cầu chị trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

Nay đã quá thời hạn theo thông báo, chị cũng không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo thông báo lần thứ hai của Tòa án vì chị không có tiền nộp do chị không có việc làm. Thời gian vừa qua chị nhận thấy tình cảm của chị với anh D có thể Hn gần được. Nếu cải thiện được thì chị xin rút yêu cầu chia diện tích 7,18m2 đất, nếu không thì chị và anh D tự giải quyết về tài sản, nH ở không yêu cầu giải quyết về tài sản, nH ở.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 ông Trần Mạnh Tiến trình bày:

Năm 2014 ông mua của bà Vũ Thị Hạt phần diện tích 7,18 m2 đất tại số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, H Nội. Tiền mua đất là của ông, ông không nhớ ai là người giao tiền mua đất, việc chị H lập vi bằng ông không biết. Do tuổi cao sức yếu nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Anh D vẫn giữ nguyên yêu xin ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Chị H trình bày: Do năm 2016 chị có lỗi nên năm 2018 anh D chủ động ly thân không ăn chung ngủ chung với chị từ đó cho đến nay, nay chị chưa đồng ý ly hôn anh D.

Chị không cầu giải quyết về tài sản, nH ở chung và không yêu cầu giải quyết về 7,18m2 đất tại số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, H Nội. Chị và anh D sẽ tự giải quyết về tài sản, nH ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy vợ chồng anh D, chị H không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có, chị H không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do đó, có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của anh D. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản và nH ở: Anh D chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về việc vắng mặt đương sự:*

Ông Trần Mạnh Tiến đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tiến có lời khai do tuổi cao, sức khỏe yếu nên ông xin vắng mặt các buổi làm việc tại Tòa án. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Tiến.

[2]. *Về nội dung:*

Anh Trần Tiến D và chị Đào Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 29/12/1992. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Theo anh D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do chị H có quan hệ ngoại tình, vợ chồng đã cố gắng để H gần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị H.

Theo chị H trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị có lỗi ham chơi, anh D nghi ngờ chị không chung thủy nên luôn xúc phạm chị, sau đó chị có cố gắng H gần tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến tháng 02/2020 anh D chủ động ăn riêng, ngủ riêng và không còn quan tâm đến chị.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh D và chị H không có tiếng nói chung, anh chị sống chung một nhà nhưng ly thân không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H trình bày chị chưa muốn ly hôn và mong muốn anh D quay về đoàn tụ nhưng chị H cũng không có biện pháp gì để H gần tình cảm vợ chồng. Về phía anh D kiên quyết xin ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần tuy nhiên chị H và anh D vẫn không tìm được tiếng nói chung, anh D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh D và chị H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Tiến D.

Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung là Trần Thanh Tùng, sinh ngày 29/10/1992 và Trần Việt Anh, sinh ngày 14/9/1996. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nhà ở chung: Anh D và chị H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về yêu cầu chia tài sản là phần đất có diện tích 7,18 m² tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội:

Chị H cho rằng vợ chồng chị mua của bà Nguyễn Thị Hát 7,18m² đất giá 1.200.000.000 đồng nhưng chị không có giấy tờ gì. Nay chị xin tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị để cho chị và anh D tự giải quyết với nhau. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu này của chị H. Nếu sau này chị có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị H không phải chịu án phí, chị H được nhận lại 14.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001114 ngày 29/12 /2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận Ba Đình.

Anh D, chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Tiến vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 28; điều 144; điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Tiến D.

Anh Trần Tiến D ly hôn chị Đào Thị Thu H.

2, Về con chung: Anh Trần Tiến D và chị Đào Thị Thu H 02 con chung là Trần Thanh Tùng, sinh ngày 29/10/1992 và Trần Việt Anh, sinh ngày 14/9/1996. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3, Về tài sản và nơi ở chung: Anh Trần Tiến D và chị Đào Thị Thu H tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về phân đất có diện tích 7,18 m² tại địa chỉ số 16 phố Thanh Bảo, phường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội: Chị Đào Thị Thu H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5, Về án phí: Anh Trần Tiến D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024806 ngày 01/10 /2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận Ba Đình.

Chị Đào Thị Thu H không phải chịu án phí sơ thẩm. Được nhận lại 14.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001114 ngày 29/12 /2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận Ba Đình.

Anh Trần Tiến D và chị Đào Thị Thu H có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Mạnh Tiến vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. H Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)